TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 317/2025/DS–ST
Ngày: 25-8-2025
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Tiến Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Võ Thị Mai

Bà Lê Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Quỳnh Anh – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 7, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:* Bà Nguyễn Thị Cẩm Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 08 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 1531/2024/TLST-DS ngày 30 tháng 12 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2025/QĐXX-DS ngày 04 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 958/2025/QĐST-DS ngày 30 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP S;
Địa chỉ trụ sở: 2 N, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh.
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Đức T, sinh năm 1984, (Theo Giấy ủy quyền số: 6539/2024/UQ-TGĐ do Công ty TNHH Một thành viên Q và khai thác tài sản Ngân hàng S lập ngày 25/9/2024) *(có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)*

- *Bị đơn:* Ông Lê Hoàng L, sinh năm 1988;
Địa chỉ: Số A Q, phường G, Thành phố Hồ Chí Minh (*vắng mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn ông Trần Đức T trình bày:

Ngày 19/04/2016 ông Lê Hoàng L có ký với Ngân hàng TMCP S Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ vào tổng thu nhập của ông L, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là

35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng) với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất tại thời điểm làm thẻ là 2.15%/ tháng.

Sau khi được Ngân hàng phát hành Thẻ tín dụng, ông L đã sử dụng thẻ để thực hiện nhiều giao dịch với tổng số tiền 39.878.100 đồng (Ba mươi chín triệu, tám trăm bảy mươi tám nghìn, một trăm đồng). Trong suốt thời gian từ lúc kích hoạt thẻ cho đến nay, ông L đã thanh toán toán cho Ngân hàng số tiền 7.960.000 đồng (Bảy triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng). Thứ tự thanh toán tại Điều 20 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Ngân hàng đã nhiều lần liên hệ làm việc, nhắc nhở và yêu cầu ông L thực hiện nghĩa vụ trả nợ, nhưng ông L vẫn không có thiện chí hợp tác. Dẫn đến việc vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 2 của Bản điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng. Do đó, ngày 01/01/2017, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ tín dụng của ông L, đồng thời chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu tại thời điểm mở phiên tòa xét xử sơ thẩm là 41.081.962 đồng (theo Điều 23 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) sang nợ quá hạn, làm nợ gốc và áp dụng lãi suất quá hạn là 3.55%/tháng (= lãi suất trong hạn 2.15% x 150%).

Tính đến ngày 25/08/2025, ông L còn nợ Ngân hàng TMCP S các khoản sau: 180.592.879 đồng, trong đó bao gồm: Dư nợ gốc: 41.081.962 đồng; Lãi quá hạn: 139.510.917 đồng, tổng số tiền nợ tạm tính đến ngày 25/8/2025 là 180.592.879 đồng (Một trăm tám mươi triệu, năm trăm chín mươi nghìn, tám trăm bày mươi chín đồng)

Ngoài ra, ông Lê Hoàng L còn phải có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 26/8/2025 cho đến khi trả dứt nợ theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Trong quá trình chuẩn bị xét xử vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn ông Lê Hoàng L và đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông L. Tuy nhiên, ông L đều vắng mặt, không gửi văn bản trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ liên quan cho Tòa án. Vì vậy, Tòa án không thể ghi nhận được ý kiến của bị đơn.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện nguyên đơn ông Trần Đức T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đồng thời, có bổ sung tài liệu là bảng tóm tắt sao kê với lãi suất được tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 25/8/2025). Ông Trần Đức T giữ nguyên yêu cầu đã trình bày tại các buổi làm việc tại Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn ông Lê Hoàng L có ký kết Hợp đồng với Ngân hàng TMCP S để được cấp thẻ tín dụng. Do đó, đây là vụ án tranh chấp về dân sự, cụ thể là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng". Căn cứ các kết quả xác minh của Công an P, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Công an phường G, Thành phố Hồ Chí Minh), xác định bị đơn ông Lê Hoàng L có hộ khẩu thường trú và thực tế cư trú tại địa chỉ số A Q, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường G, Thành phố Hồ Chí Minh) nên Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Bị đơn ông Lê Hoàng L đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt mà không có lý do, nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt ông Lê Hoàng L theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn ông Lê Hoàng L không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với các yêu cầu khởi kiện nên Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn đã giao nộp và Tòa án thu thập được để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Đại diện nguyên đơn Ngân hàng TMCP S – Ông Trần Đức T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải thanh toán số tiền nợ tính đến ngày 25/8/2025 là 180.592.879 đồng (Một trăm tám mươi triệu, năm trăm chín mươi hai nghìn, tám trăm bảy mươi chín đồng), bao gồm 41.081.962 đồng dư nợ gốc và 139.510.917 đồng lãi quá hạn phát sinh từ Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 19/04/2016, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Ngày 19/04/2016 ông Lê Hoàng L ký kết với Ngân hàng TMCP S Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng và được Ngân hàng cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng) với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất là 2.15%/tháng.

Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, ông Lê Hoàng L thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 39.878.100 đồng (Ba mươi chín triệu, tám trăm bảy mươi tám nghìn, một trăm đồng). Ông L đã trả cho Ngân hàng số tiền là 7.960.000 đồng (Bảy triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng). Tổng số tiền ông L đã trả áp dụng theo Điều 20 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng cụ thể việc thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự: Các khoản phí và lãi của kỳ trước; Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước; Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước; các khoản phí và lãi trong kỳ; Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ; Giao dịch mua hàng hóa trong kỳ. Do đó, đến ngày ngày 01/01/2017 ông L còn dư nợ là 41.081.962 đồng. Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ tín dụng và chuyển toàn bộ dư nợ còn lại sang nợ quá hạn theo Điều 23 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Căn cứ Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì "Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định pháp luật". Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông Lê Hoàng L không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán, còn nợ gốc và lãi phát sinh tính đến ngày 25/08/2025 là 180.592.879 đồng (Một trăm tám mươi triệu, năm trăm chín mươi hai nghìn, tám trăm bảy mươi chín đồng), bao gồm 41.081.962 đồng dư nợ gốc và 139.510.917 đồng lãi quá hạn. Nguyên đơn đã áp dụng mức lãi suất và thời gian tính lãi đúng quy định của hợp đồng và phù hợp với quy định của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên việc yêu cầu buộc bị đơn phải thanh toán nợ vốn và lãi có cơ sở chấp nhận.

Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 180.592.879 đồng (Một trăm tám mươi triệu, năm trăm chín mươi hai nghìn, tám trăm bảy mươi chín đồng), bao gồm 41.081.962 đồng dư nợ gốc và 139.510.917 đồng lãi quá hạn phát sinh từ Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 19/04/2016. Kể từ ngày 26/08/2025, ông Lê Hoàng L còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi thi hành xong khoản nợ gốc.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Lê Hoàng L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 9.029.644 đồng (Chín triệu không trăm hai mươi chín nghìn sáu trăm bốn mươi bốn đồng).

Hoàn trả cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí là 4.142.748 đồng (Bốn triệu, một trăm bốn mươi hai nghìn, bảy trăm bốn mươi tám đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0057055 ngày 30/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Từ những phân tích và nhận định trên cũng như ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 203; Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp và quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S: Buộc ông Lê Hoàng L phải trả cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền 180.592.879 đồng (Một trăm tám mươi triệu, năm trăm chín mươi hai nghìn, tám trăm bảy mươi chín đồng), bao gồm 41.081.962 đồng tiền nợ gốc và 139.510.917 đồng tiền lãi quá hạn phát sinh từ Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 19/04/2016, ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lê Hoàng L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 9.029.644 đồng (Chín triệu không trăm hai mươi chín nghìn sáu trăm bốn mươi bốn đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S tiền tạm ứng án phí là 4.142.748 đồng (Bốn triệu, một trăm bốn mươi hai nghìn, bảy trăm bốn mươi tám đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0057055 ngày 30/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án có thẩm quyền.

3. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền kháng cáo đối với bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên Toà hoặc không có mặt khi Tòa tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 7-TP.HCM;
- THADS TP.Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trịnh Tiến Thịnh